TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **38**/2022/HNGĐ-ST Ngày: 16 - 02 - 2022 V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Hoàn;

2. Ông Trương Văn Hăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 225/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 538/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 552/2021/QĐST-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 35/TB-TA ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1971; cư trú: Tổ 20, ấp V, xã T, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1976; cư trú: Tổ 20, ấp V, xã T, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà B có mặt, ông P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Phạm Thị B; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Phạm Thị B và ông Nguyễn Thanh P là cha mẹ định

đoạt, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Khoảng năm 2020 thì hai người phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông P có quan hệ với người phụ nữ khác, không chăm lo cuộc sống gia đình, nên bà B xin ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà B và ông P có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thanh K, sinh ngày 13/11/2003. Cháu K đã trưởng thành và tự lập.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến. Ông P cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, tình trạng hôn nhân. Theo Biên bản xác minh ngày 01/12/2021, thì ông P vẫn còn đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại ấp V, xã T, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Ông P và bà B có thường cự cãi do mâu thuẫn trong kinh tế gia đình.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt ông P là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà Phạm Thị B và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà B và ông P là hôn nhân không hợp pháp, nên đề nghị tuyên bà B và ông P không là vợ chồng. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, do cháu Nguyễn Thanh K đã đến tuổi trưởng thành và tự lập được, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt các đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, ông P vắng mặt không lý do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông P là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị B khởi kiện xin ly hôn với ông P. Xác định quan hệ tranh chấp "ly hôn". Bị đơn ông P đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại ấp V, xã T, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.3] Tòa án đã tiến hành thủ tục công khai tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định nhưng ông P vắng mặt và không có ý kiến.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà B, Giấy xác nhận số 558/GXN-UBND, ngày 12/7/2021, kết quả xác minh được biết, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà B và ông P là do bất đồng quan điểm sống, khó khăn về kinh tế. Hôn nhân giữa bà B và ông P được xác lập do gia đình sắp đặt, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, bà B có cảm nhận tính tình không hòa hợp, không hạnh phúc, nên không có nguyện vọng duy trì đời sống vợ chồng . Theo quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì việc chung sống như vợ chồng giữa bà B và ông P không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng, xem là hôn nhân không hợp pháp và không có giá trị pháp lý. Như vậy, trường hợp hôn nhân của bà Phạm Thị B và ông Nguyễn Thanh P không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà B và ông P có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thanh K, sinh ngày 13/11/2003. Do cháu K đã trưởng thành, có khả năng tự lập, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Tuy nhiên, nếu ông P có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì có thể khởi kiện và được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về án phí, bà Phạm Thị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 8, 9,14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự 15;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B,

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị B và ông Nguyễn Thanh P là vợ chồng.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí:

Bà Phạm Thị B phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006566 ngày 26/10/2021. (Bà B đã nộp đủ).

Ông Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Án tuyên công khai có mặt Bà Phạm Thị B. Thời hạn kháng cáo của bà B là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/02/2022). Thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã T (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Sáu